

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 306/2022/DS-ST
Ngày 16 - 12 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay và tranh
chấp khác về dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Bửu Thương

Ông Hồ Minh Chí

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thắm - Là Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 440/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay và tranh chấp khác về dân sự” giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị A, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* 1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

2. Ông Hà Văn B, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Cái N, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị A trình bày: Vào ngày 16/7/2021 âm lịch vợ chồng bà Trần Thị H và ông Hà Văn B có mượn tôi số tiền 40.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả.

Ngoài ra, giữa tôi và bà H có thỏa thuận giao dịch liên quan đến các phân hội như sau:

+ Dây hội của bà Lư Thị S (ấp Thầy Ký, xã T, huyện Đ) mở ngày 16/7/2021 âm lịch có 01 dây 01 triệu và 01 dây 02 triệu, mỗi dây có 31 chung, tôi đứng tên vô dùm cho bà H vô 01 chung 01 triệu đồng và 01 chung 02 triệu đồng và đều hót đầu, số tiền bỏ hội hót do lâu quá tôi không nhớ rõ. Tổng số tiền bà H phải đóng hội chết đối với 02 chung hội này là 90.000.000 đồng.

+ Tôi có đứng tên vô hội dùm cho bà H hội do bà Võ Thị Ch (ấp C, xã Đ,

thành phố C) hụi ngày 10.000 đồng/chung/ngày, hụi khai ngày 10/4/2022 âm lịch, tổng cộng 270 chung, tôi vô dùm bà H 30 chung và hốt đầu. Tổng số tiền hụi chết bà H phải đóng là 72.000.000 đồng.

Đối với 02 phần hụi trên, tổng số tiền hụi bà H phải đóng là 162.000.000 đồng, khi vô hụi giữa tôi và bà H có thỏa thuận mỗi ngày bà H đưa tôi 400.000 đồng để trả tiền 02 phần hụi trên nhưng bà H đưa không đầy đủ. Tính đến ngày 10/7/2022 âm lịch bà H đã đưa là 18.600.000 đồng. Như vậy số tiền hụi bà H còn nợ là $162.000.000đ - 18.600.000đ = 143.400.000đ$.

Ngoài ra trong thời gian này bà H có vô hụi do bà Lê Hồng M (ấp C, xã Đ) làm chủ, hụi 500.000đ/tháng, hụi gồm 55 chung, bà H vô 04 chung. Bà H đã hốt 01 chung, do cần tiền nhưng chủ hụi không cho hốt nên bà H kêu bán lại cho tôi 03 chung với số tiền là 38.400.000đ, việc mua bán hụi không có thông qua chủ hụi, sau đó tôi có hốt được 01 chung nhận tiền lại từ bà H được 12.800.000 đồng, đối trừ thì bà H còn nợ tôi 25.600.000 đồng.

Tổng số tiền hụi và vay vợ chồng bà H còn nợ tôi là $143.400.000đ + 40.000.000đ + 25.600.000đ = 209.000.000đ$.

** Tại bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Đối với tiền vay: Tôi có vay của bà A số tiền 40.000.000đ vào ngày 16/7/2021 âm lịch như giấy nợ bà A cung cấp, tuy nhiên tiền này mặc dù trong giấy ghi không lấy lời nhưng bà A có tính lời, mỗi ngày tôi đóng cho bà A 400.000 đồng tiền lời, số tiền này tôi đã trả đủ hết hiện không còn nợ nhưng do trả xong tôi quên lấy giấy nợ lại.

Đối với tiền hụi tháng của bà S, tôi có nhờ bà A vô dùm 01 chung 01 triệu đồng và 01 chung 02 triệu đồng, mỗi dây có 31 chung và tôi xin hốt đầu. Số tiền bỏ hụi và số tiền hốt hụi tôi không nhớ rõ. Tiền hụi chết tôi phải đóng trả cho bà A đối với 02 chung vô dùm chỗ bà Sương là 90.000.000 đồng.

Đối với phần hụi ngày của bà Ch, tôi có nhờ bà A vô dùm hụi ngày, 10.000 đồng/ngày, khai ngày 10/4/2022 al, tổng cộng 270 chung, nhờ bà A vô dùm tôi 30 chung và hốt đầu. Số tiền bỏ hụi và số tiền hốt hụi tôi không nhớ rõ. Số tiền hụi chết tôi phải trả cho bà A là 72.000.000đ.

Đối với hụi bà M, tôi có vô hụi bà M 04 chung hụi 500.000đ/tháng, tổng cộng có hụi 55 chung, tôi có hốt 01 chung và có bán cho bà A 03 chung với số tiền là 38.400.000đ, đã nhận đủ. Sau đó bà M có giao tiền hụi bà A hốt cho tôi và tôi có nhận và đưa lại cho bà A là 12.800.000đ. Đối với phần hụi bà M, tôi đồng ý đối trừ và còn nợ bà A số tiền là 25.600.000đ.

Việc thỏa thuận nhờ vô hụi dùm và mua bán hụi là giữa tôi và bà A, không có thông qua các chủ hụi là bà S, bà Ch và bà M mà chỉ là thỏa thuận riêng giữa tôi và bà A. Hiện tôi thống nhất số tiền liên quan đến hụi tôi còn thiếu bà A đối với các dây hụi trên là $90.000.000đ + 72.000.000đ + 25.600.000đ = 187.600.000đ$.

Tôi và bà A thỏa thuận mỗi ngày tôi góp tiền để đóng hụi chết lại cho bà A 400.000đ/ngày, bắt đầu trả từ ngày 10/4/2022 al, tôi đã đưa bà A được 03 tháng, với số tiền là 36.000.000đ. Việc đưa tiền tôi không có ghi biên nhận cũng không có sổ sách gì theo dõi. Tôi còn nợ $162.000.000đ - 36.000.000đ = 126.000.000đ$.

Tổng số tiền hụi tôi còn nợ bà A là 187.600.000 – 36.000.000đ =151.600.000đ.

Việc tham gia hụi và vay ông B hoàn toàn không biết, tôi tham gia hụi và vay để xoay vốn buôn bán, nhưng mục đích cũng nhằm phục vụ cuộc sống của gia đình. Hiện nay tôi và ông B vẫn còn là vợ chồng. Nay tôi đồng ý ông B cùng có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

* Đối với ông Hà Văn B đã được Tòa án thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị A nhưng đến nay ông B vẫn không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng vay và tranh chấp khác về dân sự. Đối với phần giao dịch liên quan đến hụi mà các bên trình bày vô dùm và mua bán hụi với nhau là do hai bên tự thỏa thuận, không có thông qua chủ hụi nên mặc dù giao dịch giao nhận tiền giữa nguyên đơn và bị đơn có xảy ra thực tế nhưng không phải là giao dịch hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Nghị định 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường, đồng thời hai bên đã thống nhất nợ với nhau nên đối với các giao dịch này được xác định là tranh chấp khác về dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là bà Trần Thị H và ông Hà Văn B có nơi cư trú tại xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Hà Văn B, bà Trần Thị H đã được tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông B, bà H vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B, bà H theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện việc các đương sự giao dịch thông qua việc nhờ vô hụi dùm và mua bán hụi là thực tế có xảy ra và việc giao dịch giữa hai bên là tự nguyện thỏa thuận, không thông qua chủ hụi và các chủ hụi cũng không hay biết. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà A và bà H đều thừa nhận có việc nhờ vô hụi dùm và thỏa thuận mua bán hụi nhưng đều không thông qua các chủ hụi là bà Choáng, bà Sương và bà H, các chủ hụi không hay biết và hai bên thống nhất đối trừ theo đó bà H còn nợ số tiền liên quan đến hụi là 187.000.000đ. Vấn đề này được các bên thừa nhận nên không phải chứng minh và không cần thiết đưa bà Ch, bà S, bà M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Trong số tiền thỏa thuận liên quan đến hụi trên có phần lãi hụi nhưng các đương sự không xác định cụ thể đối với từng phần hụi và lãi hụi đồng thời hai bên

đã thống nhất nợ với nhau, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Đối với khoản tiền vay 40.000.000 đồng, bà A xác định khoản vay không có lãi và bà H thừa nhận có vay như biên nhận nhưng vay có lãi và đã trả xong. Xét thấy tại Biên nhận ngày 16/7/2021 thể hiện, bà H có vay số tiền là 40.000.000đ và thỏa thuận không có lãi. Bà H cho rằng có thỏa thuận lãi và đã trả xong nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh số tiền này đã trả xong nên phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh cho việc trả số nợ trên. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền này là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với số tiền bị đơn đã trả, cả bà A và bà H đều trình bày rằng từ các thỏa thuận giao dịch liên quan đến hụi trên, giữa hai bên có thỏa thuận bà H trả mỗi ngày là 400.000đồng. Nguyên đơn cho rằng bà H có trả nhưng không trả đầy đủ, mỗi lần trả đều có ghi vào sổ do bà H cất giữ, tổng cộng bà H trả được 18.600.000đ. Bà H cho rằng đã trả được 3 tháng với số tiền là 36.000.000đ nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh. Xét thấy đối với số tiền đã trả các bên trình bày không thống nhất và không ai đưa ra chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Vì vậy, cần chấp nhận sự thừa nhận của nguyên đơn với số tiền 18.600.000 đồng là phù hợp.

Từ những phân tích trên, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền (187.600.000đ + 40.000.000đ) - 18.600.000đ = 209.000.000đ là có cơ sở nên được chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm thanh toán, bà A và bà H đều trình bày thống nhất khi thỏa thuận vay và thỏa thuận giao dịch liên quan đến hụi đều do bà H đứng ra thực hiện giao dịch với bà A, ông B không ký vào các Giấy tờ liên quan đến hụi và vay. Song bà A yêu cầu ông B cùng có trách nhiệm thanh toán vì khi thỏa thuận giao dịch liên quan đến hụi, hốt hụi và vay tiền thì ông B và bà H là vợ chồng. Đồng thời bà H cũng xác định mặc dù ông B không biết giao dịch giữa bà và bà A nhưng số tiền vay và hụi bà đều sử dụng vào phục vụ cuộc sống gia đình nên bà đồng ý ông B cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà A. Đối với ông B quá trình giải quyết không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy những chứng cứ thể hiện tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa không thể hiện bà H tham gia hụi và vay tiền là để sử dụng riêng cho cá nhân và do khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên việc yêu cầu ông B cùng có trách nhiệm thanh toán nợ là có cơ sở.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 và khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 351, 463 và 466 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị A.

Buộc bà Trần Thị H và ông Hà Văn B thanh toán cho bà Trương Thị A số tiền 209.000.000 đồng (*Hai trăm lẻ chín triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Trương Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, bà Trần Thị H và ông Hà Văn B không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Trần Thị H và ông Hà Văn B phải chịu là 10.450.000 đồng (chưa nộp).

Bà Trương Thị A không phải chịu. Bà Trương Thị A đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 5.235.000 đồng theo biên lai thu số 0001997 ngày 03/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H, ông B có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Hồng Xuyên